

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG-CTCP**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/TLG-TCKT

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023

V/v Giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế  
TNDN năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022,

Tổng công ty Thăng Long - CTCP giải trình về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN giảm so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể như sau:

**1. Báo cáo tài chính riêng:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Tăng (+) /Giảm (-)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.350.684.303.358	1.131.972.917.152	19,32%
Giá vốn hàng bán	11	1.338.141.016.490	1.099.286.880.047	21,73%
Chi phí tài chính	22	15.082.358.417	1.759.192.460	757,35%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36	52.110.437.782	36.932.767.117	41,10%
Thu nhập khác	31	2.307.713.769	3.758.412.270	-38,60%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.319.411.708	8.476.814.639	-37,25%

Qua bảng số liệu tổng hợp ở trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt: 5.319.411.708 đồng, so với cùng kỳ năm 2021 giảm 3.157.402.931 đồng tương đương: 37,25% chủ yếu do Chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng và thu nhập khác giảm.

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Tăng (+) /Giảm (-)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.496.329.026.974	1.264.546.647.247	18,33%
Giá vốn hàng bán	11	1.422.243.460.062	1.193.629.705.014	19,15%
Chi phí tài chính	22	44.332.438.881	31.661.209.442	40,02%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36	67.752.614.188	55.209.005.378	22,72%
Thu nhập khác	31	3.948.691.147	19.257.349.223	-79,50%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	8.706.842.954	9.114.097.265	-4,47%

Qua bảng số liệu tổng hợp ở trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt: 8.706.842.954 đồng, so với cùng kỳ năm 2021 giảm 407.254.311 đồng tương đương: 4,47% chủ yếu do Chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng và thu nhập khác giảm.

### 3. Giải trình kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính:

Điều chỉnh hồi tố số liệu tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 do xác định lại giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu do trong năm 2022 công ty liên kết, liên doanh phân chia lợi nhuận từ các năm trước. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	76.125.101.812	(10.369.486.553)	65.755.615.259
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.578.104.718	(10.369.486.553)	29.208.618.165
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	26.588.026.078	(6.861.815.160)	19.726.210.918
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm nay	421b	12.990.078.640	(3.507.671.393)	9.482.407.247

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh		
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	7.197.247.594	(3.507.671.393)	3.689.576.201
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15.218.625.300	(3.507.671.393)	11.710.953.907
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	310	(83)	227
	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	310	(83)	227
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
	Lợi nhuận trước thuế	01	15.218.625.300	(3.507.671.393)	11.710.953.907
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.128.253.172)	3.507.671.393	(12.620.581.779)

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, P.TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Việt Hà**

